TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị L, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: Số 70, khu vực Đ, thôn Đ, xã T, huyện M, Đài Loan – Trung Quốc. Đề nghị vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Kim T, sinh năm 1992. Nơi đăng ký HKTT: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: Số nhà 3, ngõ 393 đường T, khu vực V, thành phố Đ, Đài Loan – Trung Quốc. Đề nghị vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Đức S và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ của anh Lê Kim T). Địa chỉ cư trú: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15/9/2022 và tại Bản trình bày ý kiến ngày 01/3/2023 chị Vương Thị L trình bày: Chị L và anh Lê Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, năm 2017 chị L và anh T xuất cảnh đi Đài Loan lao động đến giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột và hai người đã sống ly thân nhau

từ lâu cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay nhận thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn anh Lê Kim T.

Về nuôi con chung: Chị L và anh Lê Kim T có một con chung Lê Phương C sinh ngày 22/3/2015, hiện cháu đang do vợ chồng ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T (bố, mẹ anh T) và là ông bà nội của cháu nuôi dưỡng. Để ổn định cho cháu về mọi mặt, nay ly hôn chị L đề nghị giao cháu C cho anh T nuôi dưỡng để ông bà nội cháu tiếp tục quản lý chăm sóc khi vợ chồng đang làm ăn ở xa. Về cấp dưỡng, chị L và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Lê Kim T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Lê Kim T thông qua ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T (bố mẹ anh T), anh Lê Kim T đã biết được chị Vương Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết các vấn đề liên quan gửi tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tại Bản trình bày ý kiến ngày 10/02/2023, anh Lê Kim T đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án mà chị Vương Thị L yêu cầu ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Kim T thừa nhận, về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn; mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Vương Thị L trình bày, nay chị L yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung Lê Phương C sinh ngày 22/3/2015, hiện đang do vợ chồng ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị T, bố mẹ anh T và là ông bà nội cháu quản lý chăm sóc từ năm 2017, nay cháu đã ổn định tâm sinh lý và nơi học tập. Nếu ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và nhờ ông S, bà T bố mẹ anh tiếp tục quản lý, chăm sóc cháu trong thời gian anh T chưa về nước. Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Kim T hiện đang ở nước ngoài, điều kiện khó khăn, nên không thể trực tiếp về tham gia hòa giải, giải quyết vụ án được, nên anh T đề nghị Toà án giải quyết xử vắng mặt và nhờ ông S, bà T nhận các loại văn bản của Tòa án.

Nguyện vọng của cháu Lê Phương C: Cháu là con của ông T, bà L hiện đang ở nước ngoài, gửi cháu cho ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Nay cuộc sống, nơi ở và học tập ổn định, nên nguyện vọng cháu được ở với bố và ông bà nội.

Vợ chồng ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng ông S, bà T là người được anh T, chị L nhờ trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Lê Phương C con chung của vợ chồng trong thời gian từ khi anh T, chị L đi nước ngoài đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, vợ chồng ông S, bà T không yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải thanh toán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc cháu và đề nghị Tòa án giao cháu Phương C cho anh T nuôi dưỡng; ông S, bà T cam kết sẽ tiếp tục quản lý, chăm sóc

cháu chu đáo trong thời gian anh T chưa về nước. Ông S, bà T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho hai người ly hôn và giao con chưa thành niên cho anh T nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông S, bà T nhận trách nhiệm tiếp tục quản lý, chăm sóc cháu Lê Phương C trong thời gian anh T chưa về nước; tài sản chung chưa giải quyết. Về công quản lý, chăm sóc cháu C con chung của vợ chồng, ông S, bà T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Kim T hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để tham gia giải quyết vụ án được. Ngày 10/02/2023, anh T đã có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án và đề nghị vắng mặt. Chị Vương Thị L đang ở nước ngoài, vì điều kiện không thể trực tiếp tham gia hòa giải, giải quyết vụ án được. Chị L ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân H giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị giải quyết, xử vắng mặt (Ý kiến anh T, chị L đều có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

Đối với vợ chồng ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T người được anh T, chị L gửi, nhờ trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Lê Phương C con chung vợ chồng, nhưng ông S, bà T không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt nhưng chị Vương Thị L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh Lê Kim T và tự nguyện đồng ý giao con chung chưa thành niên cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy: Chị Vương Thị L và anh Lê Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, năm 2017 chị L và anh T xuất cảnh đi Đài Loan lao động đến giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột và hai người đã sống ly thân nhau từ lâu cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả anh T và chị L đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn và hai người thống nhất ly hôn, nên cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho họ ly hôn, để giải phóng cho nhau.

[3] Về nuôi con chung: Chị Vương Thị L và anh Lê Kim T có một con chung Lê Phương C sinh ngày 22/3/2015, hiện đang do vợ chồng ông Lê Đức S, bà Nguyễn

Thị T bố mẹ anh T và là ông bà nội cháu quản lý chăm sóc. Nay ly hôn, cả chị L và anh T đều thống nhất giao cháu Phương C cho anh T nuôi dưỡng. Xét sự thống nhất giữa chị L và anh T về việc giao con chưa thành niên cho anh T nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Hơn nữa mặc dù anh T đang ở nước ngoài, nhưng từ trước đến nay cháu Phương C được anh T nhờ vợ chồng ông S, bà T bố mẹ anh T là ông, bà nội cháu quản lý chăm sóc và hiện vợ chồng ông S, bà T cam kết tiếp tục quản lý chăm sóc cháu chu đáo cho đến khi anh T về nước, do đó cần giao cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Kim T là người được giao nuôi con không yêu cầu, nên Tòa án chưa xem xét. Dành quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên cho các bên khi có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Vương Thị L và anh Lê Kim T đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án chưa xem xét.

[5] Về việc quản lý, chăm sóc con chung: Vợ chồng ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Lê Phương C trong thời gian từ khi chị L, anh T đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng ông S, bà T không yêu cầu vợ chồng chị L, anh T phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu và tự nguyện cam kết tiếp tục nhận chăm sóc, quản lý cháu trong thời gian anh T chưa về nước, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vương Thị L và anh Lê Kim T

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Phương C, sinh ngày 22/3/2015 cho anh Lê Kim T nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Đức S và bà Nguyễn Thị T nhận trách nhiệm tiếp tục quản lý, chăm sóc cháu Lê Phương C trong thời gian anh T chưa về nước.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Dành quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên cho các bên khi có yêu cầu. Chị Vương Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Vương Thị L và anh Lê Kim T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0012245 ngày 24/10/2022 (Nguyễn Xuân H nộp).

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Ông Lê Đức S, bà Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

5.2. Chị Vương Thị L và anh Lê Kim T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt niêm yết hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, huyện D, NA,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.

Phạm Văn Phấn